TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 56/2022/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 20 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Như Ý

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Bách Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc:*"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 102/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Trần Duy K**, sinh năm 1991

ĐKHKTT: khu 10, thị trấn Phong Châu, huyện Phong C, tỉnh A

Địa chỉ hiện nay: tỉnh Fukuoka, Nhật Bản

- **Chị Phùng Thị Yến N** – sinh năm 1993

ĐKHKTT: khu 10, thị trấn Phong Châu, huyện Phong C, tỉnh A

Địa chỉ hiện nay: tỉnh Fukuoka, Nhật Bản

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Anh Đ – sinh năm 1969

- Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1971

ĐKHKTT: khu 10, thị trấn Phong Châu, huyện Phong C, tỉnh A

(*Các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt)*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 18/11/2022 và các lời khai tiếp theo, anh Trần Duy K và chị Phùng Thị Yến N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Duy K và chị Phùng Thị Yến N đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 12/7/2014 tại UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phong C, tỉnh A. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh K, chị N đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh K, chị N thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Gia Bảo, sinh ngày 17/2/2015 và cháu Trần Thùy Chi, sinh ngày 27/10/2016. Khi ly hôn, Anh K, chị N thống nhất thỏa thuận cháu Bảo sẽ do anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Chi sẽ do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Do hiện tại anh Trần Duy K và chị Phùng Thị Yến N đang lao động ở Nhật Bản, vợ chồng anh chị thỏa thuận tạm giao cháu Trần Gia Bảo và cháu Trần Thùy Chi cho bố mẹ đẻ của anh K là ông Trần Anh Đ và bà Nguyễn Thị T cùng có địa chỉ: khu 10, thị trấn Phong Châu, huyện Phong C, tỉnh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu cho đến khi Anh K, chị N về nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh Đ và bà Nguyễn Thị T trình bày: ông bà nhất trí về việc thỏa thuận giữa Anh K, chị N, ông bà sẽ thay mặt Anh K, chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo, cháu Chi cho đến khi anh chị về nước. Ông Đ, bà T cam kết có trách nhiệm đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cháu Bảo, cháu Chi một cách tốt nhất.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh K, chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh K, chị N thống nhất anh Khánh là người chịu toàn bộ.

Chị Ngọc đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; Anh K, chị N đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh chị.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung việc dân sự: Căn cứ Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 55, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Duy K và chị Phùng Thị Yến N ;

- Về con chung: Giao cháu Trần Gia Bảo, sinh ngày 17/2/2015 cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Trần Thùy Chi cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm giao cháu Bảo và cháu Chi cho ông Trần Anh Đ và bà Nguyễn Thị T (là bố mẹ đẻ của anh K) nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi Anh K, chị N về nước.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh K, chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Trần Duy K là người chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A, Tòa án nhân dân tỉnh A nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự do anh Trần Duy K và chị Phùng Thị Yến N gửi từ Nhật Bản về Việt Nam, có xác nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka, Nhật Bản. Do đó, xác định Anh K, chị N gọc hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh A thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng thẩm quyền.

Chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; Anh K, chị N đều đề nghị giải quyết vắng mặt anh chị nên Tòa án không tiến hành hòa giải và mở phiên họp vắng mặt anh chị là đúng quy định theo Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Duy K và chị Phùng Thị Yến N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay Anh K, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh K, chị N thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của Anh K, chị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xác định Anh K, chị N có 02 con chung là cháu Trần Gia Bảo, sinh ngày 17/2/2015 và cháu Trần Thùy Chi, sinh ngày 27/10/2016. Khi ly hôn, Anh K, chị N thống nhất thỏa thuận cháu Bảo sẽ do anh Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Chi sẽ do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do hiện tại Anh K, chị N đang lao động ở Nhật Bản, vợ chồng anh chị thỏa thuận tạm giao cháu Trần Gia Bảo và cháu Trần Thùy Chi cho bố mẹ đẻ của anh K là ông Trần Anh Đ và bà Nguyễn Thị T cùng có địa chỉ: khu 10, thị trấn Phong Châu, huyện Phong C, tỉnh A

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu cho đến khi Anh K, chị N về nước. Xét thấy, thỏa thuận của Anh K, chị N, ông Đ và bà T phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh K, chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Trần Duy K là người chịu toàn bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Duy K và chị Phùng Thị Yến N.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận về nuôi con chung giữa Anh K, chị N. Anh Trần Duy K được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Gia Bảo, sinh ngày 17/2/2015. Chị Phùng Thị Yến Nc được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Thùy Chi, sinh ngày 27/10/2016, đến khi các cháu thành niên. Anh K, chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Bảo và cháu Chi cho ông Trần Anh Đ và bà Nguyễn Thị T (là bố mẹ đẻ của anh K) nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi Anh K, chị N về Việt Nam.

Anh K, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh K, chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: anh Trần Duy K phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị Phùng Thị Yến N đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000368 ngày 01/12/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh A. Hoàn trả cho chị Phùng Thị Yến N 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND thị trấn Phong Châu;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Như Ý